

Đề cương chi tiết học phần

- Tên học phần: KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP** Mã học phần: FINP4105416
- Tên Tiếng Anh: FINAL PROJECT**
- Số tín chỉ: 10 tín chỉ (0/10/20)** (0 tín chỉ lý thuyết, 10 tín chỉ thực hành/thí nghiệm)
Phân bố thời gian: 30 tuần (0 tiết lý thuyết + 10 tiết thực hành + 12 tiết tự học/ tuần)
- Các giảng viên phụ trách học phần:**
 - GV phụ trách chính: TS. KTS. Nguyễn Văn Hoan
 - Danh sách giảng viên cùng GD:
 - TS. KTS. Đỗ Xuân Sơn
 - ThS.KTS. Phạm Minh Sơn
 - ThS.KTS. Nguyễn Dương Tử

5. Điều kiện tham gia học tập học phần

Học phần tiên quyết: Kết thúc tất cả các học phần bắt buộc và tự chọn

6. Mô tả học phần (Course Description)

- Khóa luận tốt nghiệp là đồ án cuối cùng trong hệ thống đồ án của sinh viên ngành Kiến trúc nội thất. Quá trình nghiên cứu và thực hiện đồ án kéo dài 1 kỳ nhằm giúp sinh viên tổng hợp và củng cố lại toàn bộ kiến thức chuyên môn đã học trong suốt 4 năm học, đảm bảo sinh viên có đủ khối lượng kiến thức, kỹ năng cũng như tư duy phục vụ cho công tác thiết kế. Các thể loại đề tài dựa trên cơ sở nguyện vọng của sinh viên, ý kiến đồng ý của thầy hướng dẫn, kết hợp với phân công cân đối chung trong toàn khóa.

- Đối tượng thiết kế: Thiết kế kiến trúc nội ngoại thất của một công trình kiến trúc công cộng phức hợp, nhà ở, công nghiệp, nhóm đa chức năng... hoặc thiết kế cải tạo và nội ngoại thất của một công trình có quy mô vừa.

7. Mục tiêu học phần (Course Goals)

Mục tiêu (Goals)	Mô tả (Goal description) (Học phần này trang bị cho sinh viên:)	CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
G1	Hoàn thiện kiến thức & kỹ năng làm việc tư vấn thiết kế kiến trúc và nội thất chuyên nghiệp, khả năng triển khai từ ý tưởng kiến trúc đến thiết kế chi tiết, thi công nội thất công trình, có sự kết hợp với các kiến thức nền tảng khác. Hoàn thiện tư duy phân tích & lập luận thiết kế kiến trúc nội thất.	G1.1	3
		G1.2	4
		G1.3	5
G2	Tổng hợp những kiến thức từ cơ bản đến nâng cao, kỹ năng thiết kế công trình kiến trúc và nội thất, kỹ năng thuyết trình, tư duy phản biện, Hoàn thiện kỹ năng & tư duy cá nhân tích cực, kỹ năng sáng tác nghệ thuật kiến trúc & giải pháp sáng tạo, áp dụng vào công trình thiết kế thích nghi với sự phát triển thời đại CN 4.0	G2.1	5
		G2.2	5
		G2.3	5
		G2.4	5
		G2.5	5

G3	Hoàn thiện khả năng tổ chức thực hiện và phối hợp thực hiện công việc chuyên nghiệp Hoàn thiện khả năng tư vấn và lập luận thuyết trình, đàm phán, khả năng sử dụng các công nghệ tin học thiết kế sáng tác tư vấn kiến trúc, giao tiếp trao đổi thông tin Khả năng sử dụng tiếng Anh để làm việc trong lĩnh vực chuyên ngành.	G3.1	5
		G3.2	5
		G3.3	3
G4	Hoàn thiện khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai hồ sơ bản vẽ kiến trúc, triển khai xây dựng và vận hành trong bối cảnh hoạt động doanh nghiệp và dịch vụ và yêu cầu xã hội	G4.1	5
		G4.2	4
		G4.3	5
		G4.4	5
		G4.5	5
		G4.6	4
		G4.7	5
		G4.8	4

8. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra MH		Mô tả (Sau khi học xong học phần này, người học có thể:)	Chuẩn đầu ra CDIO	Trình độ năng lực
G1	G1.1	Có kiến thức cơ bản về pháp luật XD, khoa học xã hội liên quan đến hoạt động công việc chuyên nghiệp ngành Kiến trúc nội thất	1.1.1	3
	G1.2	Sử dụng kiến thức lý thuyết đã học vào công tác thiết kế kiến trúc và nội thất các công trình. Hoàn thiện tư duy trong quá trình làm đồ án	1.2.1	4
	G1.3	Kiến toàn và nắm vững lý thuyết đến kỹ năng thực hành, tư duy lý luận kiến trúc nội thất	1.3.1	5
G2	G2.1	Tổng hợp những kiến thức nâng cao kỹ năng thiết kế kiến trúc, nội thất và thi công công trình, thuyết trình, tư duy phản biện mà sinh viên ngành kiến trúc nội thất đã được hướng dẫn đồ án qua các học phần trước đó	2.1.5	5
	G2.2	Kiến toàn kỹ năng phân tích, đánh giá, dự báo hiệu quả trong công tác tư vấn thiết kế	2.2.4	5
	G2.3	Hiểu được tầm quan trọng của KTS nắm bắt giải pháp công nghệ ngành XD và vật liệu XD áp dụng vào thiết kế	2.3.1	5
	G2.4	Kỹ năng & tư duy cá nhân tích cực, kỹ năng sáng tác nghệ thuật & giải pháp sáng tạo, xác định thành phần, nguyên tắc thiết kế các khu chức năng, tổ chức mặt bằng và không gian, sử dụng vật liệu XD áp dụng vào công trình thiết kế gần thực tế & thích nghi với sự phát triển thời đại CN 4.0	2.4.2	5
	G2.5	Nâng cao tổ chất đạo đức nghề nghiệp cá nhân, ý thức kỷ luật làm việc tác phong công nghiệp	2.5.1 2.5.3 2.5.4	5
G3	G3.1	Có thái độ làm việc khoa học, khả năng làm việc theo nhóm tổ chức thực hiện và phối hợp thực hiện	3.1.2 3.1.3	5
	G3.2	Nâng cao khả năng tư vấn và lập luận thuyết trình phương án thiết kế - thi công, khả năng đàm phán.	3.2.2 3.2.5 3.2.6	5

		Nâng cao khả năng sử dụng các công nghệ thông tin, phần mềm tin học để thiết kế tư vấn, và trao đổi thông tin		
	G3.3	Khả năng sử dụng ngoại ngữ tiếng Anh để đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành	3.3.1 3.3.3	3
G4	G4.1	Nâng cao trách nhiệm xã hội của người KTS với sự phát triển XH	4.1.1 4.1.7	5
	G4.2	Nâng cao tính năng động nhạy bén nắm bắt các hình thái tổ chức doanh nghiệp lĩnh vực chuyên ngành tư vấn thiết kế xây dựng để phối hợp làm việc	4.2.1 4.2.4	4
	G4.3	Phát triển tiến tới thành thạo thiết lập tư duy tổng quát các yếu tố chức năng công trình với thực địa ngoại cảnh từ đó hình thành ý tưởng thiết kế	4.3.3	5
	G4.4	Khả năng vận dụng linh hoạt các giải pháp & quy trình thiết kế đưa ra giải pháp tối ưu kiến trúc, công nghệ XD, sử dụng vật liệu và kinh tế cho mục tiêu cần đạt	4.4.6	5
	G4.5	Khả năng triển khai các dự án kiến trúc sản phẩm thiết kế ra thực tế thi công xây dựng	4.5.1	5
	G4.6	Nâng cao khả năng giám sát chất lượng công trình	4.6.6	4
	G4.7	Nâng cao tư duy lãnh đạo quản lý dự án kiến trúc cũng như quản lý nhóm trong hoạt động xây dựng	4.7.3	5
	G4.8	Khả năng khai thác các sản phẩm kiến trúc, nội thất, thiết kế gia công triển khai để áp dụng phát triển kinh doanh	4.8.1	4

9. Đạo đức khoa học:

Khóa luận tốt nghiệp phải được thực hiện từ chính bản thân sinh viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá 0 (không) điểm quá trình, cấm không được bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp trong 02 năm tính từ năm cấm làm bài tốt nghiệp.

10. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
1	Giảng đề - Giới thiệu chung về nội dung Đồ án - Mục tiêu, nội dung của Đồ án - Các tài liệu cần nghiên cứu	G1.1 G1.2 G1.3	3 4 5	PPGD chính: Phương pháp dạy học theo dự án + Thuyết giảng Thảo luận nhóm Trình chiếu	Đánh giá qua thực hiện Dự án học tập (cá nhân/nhóm)
2,3	Đi nghiên cứu hiện trạng (thực địa)	G1.1 G1.2 G1.3 G2.1 G2.2 G2.3	3 4 5 5 5 5	PPGD chính: Phương pháp dạy học theo dự án + Thảo luận nhóm,	Đánh giá qua thực hiện Dự án học tập (cá nhân/nhóm)

	Khảo sát thực trạng của khu vực khu đất, công trình Thu thập thêm các số liệu mới về tình hình kinh tế-xã hội, các điều kiện tự nhiên, yêu cầu chủ đầu tư ..	G2.4 G3.1	5 5	+ Phân tích hiện trạng	nhân/nhóm)
4,5,6,7	Nghiên cứu hiện trạng tổng hợp Thực hiện các bản vẽ và thuyết minh phần hiện trạng Phân tích, Đánh giá tổng hợp hiện trạng, nhiệm vụ thiết kế.	G1.1 G1.2 G1.3 G2.1 G2.2 G2.3 G2.4 G3.1 G3.3	3 4 5 5 5 5 5 5 3	PPGD chính: Phương pháp dạy học theo dự án + Thảo luận nhóm + Phân tích đánh giá hiện trạng + SV Trao đổi ý tưởng với giáo viên HD + GV kiểm tra tiến độ	Đánh giá qua thực hiện Dự án học tập (cá nhân/nhóm)
8,9,10,11,12,13,14,15,16	Nghiên cứu Thiết kế Nghiên cứu cơ sở cho giải pháp thiết kế Nghiên cứu các cơ sở khoa học lý luận/thực tiễn/pháp lý đề xuất các phương pháp và cơ sở khoa học áp dụng cho giải pháp thiết kế	G1.1 G1.2 G1.3 G2.1 G2.2 G2.3 G2.4 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1 G4.2 G4.3 G4.4 G4.5 G4.6 G4.7 G4.8	3 4 5 5 5 5 5 5 5 5 3 5 4 5 5 5 4 5 4	PPGD chính: Phương pháp dạy học theo dự án + Thảo luận nhóm + SV Trao đổi ý tưởng với giáo viên HD + GV kiểm tra tiến độ	Đánh giá qua thực hiện Dự án học tập (cá nhân/nhóm)
17,18,19,20,21,22,23,24	Nghiên cứu thiết kế sâu ý tưởng sang triển khai giải pháp mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, nội thất, cấu tạo	G2.1 G2.2 G2.3 G2.4 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1 G4.2 G4.3 G4.4 G4.5 G4.6 G4.7	5 5 5 5 5 5 3 5 4 5 5 5 4 5	PPGD chính: Phương pháp dạy học theo dự án + SV Trao đổi ý tưởng với giáo viên HD + GV kiểm tra tiến độ	Đánh giá qua thực hiện Dự án học tập (cá nhân/nhóm)

25,26	Nghiên cứu thiết kế các giải pháp kỹ thuật công trình khác liên quan, triển khai giải pháp kỹ thuật & sơ đồ	G4.8	4	PPGD kỹ thuật: Phương pháp dạy học theo dự án + SV Trao đổi ý tưởng với giáo viên HD + GV kiểm tra tiến độ	Đánh giá qua thực hiện Dự án học tập (cá nhân/nhóm)
		G2.1	5		
		G2.2	5		
		G2.3	5		
		G2.4	5		
		G3.1	5		
		G3.2	5		
		G3.3	3		
		G4.1	5		
		G4.2	4		
		G4.3	5		
		G4.4	5		
		G4.5	5		
		G4.6	4		
		G4.7	5		
		G4.8	4		
27,28,29,30	Thể hiện Đồ án, thuyết minh, hoàn chỉnh hồ sơ NC, nộp đồ án + thuyết minh cho GV phản biện & cho Khoa Xây dựng	G3.2	5	PPGD chính: Phương pháp dạy học theo dự án Thuyết trình, lý luận, đánh giá	Đánh giá qua thực hiện Dự án học tập (cá nhân/nhóm)
		G4.1	5		
		G4.2	4		
		G4.3	5		
		G4.4	5		
		G4.5	5		
		G4.7	5		
		G4.8	4		
31	Hội đồng Phản biện – chấm sơ khảo	G3.2	5	Bài gửi cho các GV phản biện đánh giá, chấm điểm, có thuyết trình của SV	**
		G4.1	5		
		G4.2	4		
		G4.3	5		
		G4.4	5		
		G4.5	5		
		G4.7	5		
		G4.8	4		
32	Thuyết trình báo cáo Đồ án trước Hội đồng Khoa học, chấm điểm kết quả Khóa luận tốt nghiệp và kết quả quá trình học đại học	G3.2	5	Lập hội đồng chấm ĐA tốt nghiệp và đánh giá kết quả tốt nghiệp KTS Phương pháp dạy học theo dự án	Đánh giá qua giải quyết tình huống học tập
		G4.1	5		
		G4.2	4		
		G4.3	5		
		G4.4	5		
		G4.5	5		
		G4.7	5		
		G4.8	4		

11. Đánh giá kết quả học tập:

- Thang điểm: 10
- Kế hoạch kiểm tra như sau:

Hình thức KT	Nội dung	Thời điểm	Chuẩn đầu ra đánh giá	Trình độ năng lực	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỉ lệ (%)
Đánh giá giai đoạn: Tác phong nghề nghiệp							20

Tính chuyên cần	Đánh giá thời gian tham gia sửa bài tiết 300 (5tiết/buổi)= 60 buổi /10TC Thực hiện kiểm tra tiến độ	Tuần 1-30	G2.5	5	Đánh giá qua thực hiện Dự án học tập (cá nhân/nhó)	Thang điểm: Số buổi x 30%	10
Quá trình làm việc	Đánh giá kết quả nghiên cứu hiện trạng và nhiệm vụ thiết kế	Tuần 1-30	G1.1 G1.2 G1.3 G2.1 G2.2 G2.3 G2.4 G3.1 G3.3	3 4 5 5 5 5 5 5 3	Đánh giá qua thực hiện Dự án học tập (cá nhân/nhó)	Thang điểm quá trình x 30%	10
Đánh giá kết thúc đồ án TN: Bài tập đồ án kết thúc Đồ án TN (Final Project)							80
BL#1	- Nội dung & khối lượng thuyết minh, bản vẽ đầy đủ, đúng quy cách, sạch đẹp - Ý tưởng sáng tạo - Thuyết trình bảo vệ ý tưởng Đồ án trước Hội đồng bảo vệ & chuyên gia	Tuần 30	G3.2 G3.3 G3.4 G4.1 G4.2 G4.3 G4.4 G4.5 G4.7 G4.8	4 3 3 5 4 5 5 5 5 4	Đánh giá qua thực hiện Dự án học tập (cá nhân/nhó) trên thước đo khối lượng và năng lực	- Số lượng đầy đủ quy cách: 40 x70% -Ý tưởng sáng tạo: 40 x70% Thuyết trình, bảo vệ: 20x70 %	40x80 /100 40x80 /100 20x80 /100
Thang Điểm 10 = (Chú ý: Thang điểm 10 đối với GV hướng dẫn, điểm của GV phản biện và Hội đồng Khoa học sẽ tính riêng, cách tính sẽ được thông báo trước buổi bảo vệ)							100

CDR học phần	Hình thức kiểm tra		
	Chuyên cần	Quá trình	Hội đồng
G1.1		x	
G1.2		x	

G1.3		x	
G2.1		x	
G2.2		x	
G2.3		x	
G2.4		x	
G2.5	x		
G3.1		x	
G3.2			x
G3.3		x	x
G3.4			x
G4.1			x
G4.2			x
G4.3			x
G4.4			x
G4.5			x
G4.6			x
G4.7			x
G4.8			x

12. Tài liệu học tập

Giáo trình:

- [1]. Nguyễn Đức Thiềm, *Nguyên lý thiết kế kiến trúc nhà dân dụng*, NXB Khoa Học Kỹ Thuật 2002.
- [2]. Đặng Thái Hoàng, *Nội thất kiến trúc*, NXB Xây dựng, 1994
- [3]. Enst và Peter Neufert, *Architects' data*, 2006

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 276:2003 về công trình công cộng - nguyên tắc cơ bản để thiết kế do Bộ Xây dựng ban hành, TCXDVN 276:2003
- [2]. Luật xây dựng ban hành Số 50/2014/QH13, Ngày 18/06/2014
- [3]. Kiến trúc cảnh quan, Hàn Tất Ngạn, Nhà xuất bản XD Hà Nội, năm 2005
- [4]. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành liên quan

13. Ngày phê duyệt lần đầu:

14. Cấp phê duyệt:

Trưởng khoa

Trưởng BM

Nhóm biên soạn

PGS.TS. Châu Đình Thành

TS.KTS. Đỗ Xuân Sơn

TS.KTS. Nguyễn Văn Hoan

- MB, Sơ đồ nguyên lý hệ thống kỹ thuật liên quan (cấp thoát nước, điện, trang thiết bị (TL: 1/50,1/100)

- Chi tiết triển khai thiết kế sản xuất một số đồ nội thất chính (TL: 1/50, 1/20)

- Chi tiết đặc biệt: MB, MC, phối cảnh (TL: 1/50)

Trình bày trên bản vẽ A₀ (800x1100), gồm 10 bản vẽ, (*nét đen trên nền trắng và phối cảnh màu*)

13.3 Qui cách viết thuyết minh đồ án:

Chương 1: Lý do chọn đề tài tốt nghiệp

1.1 Tổng quan những vấn đề liên quan đến đề tài.

1.2 Sự cần thiết của đề tài.

1.3 Mục đích của đề tài.

1.4 Quy mô, hạng công trình hoặc các thành phần trong tổ hợp công trình.

Chương 2: Những cơ sở để thiết kế công trình

2.1 Yêu cầu thiết kế.

2.2 Các tiêu chuẩn, quy phạm thiết kế công trình.

2.3 Nguyên tắc áp dụng trong thiết kế.

2.4 Kinh nghiệm ngoài và trong nước, trào lưu, xu hướng thiết kế.

Chương 3: Các đề xuất thiết kế đồ án nội ngoại thất (có kèm theo hình vẽ minh họa)

3.1 Xây dựng nhiệm vụ thiết kế:

– Cơ sở đề xuất nhiệm vụ.

– Nhiệm vụ thiết kế.

3.2 Đề xuất ý tưởng chính:

– Luận giải các ý tưởng.

– Chọn lựa ý tưởng chính.

3.3 Đề xuất các giải pháp thiết kế nội ngoại thất:

– Tổ chức phân khu chức năng đây chuyên sử dụng trên mặt bằng.

– Tổ chức không gian kiến trúc nội ngoại thất công trình.

– Các giải pháp thiết kế

– Giải pháp hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị

– Giải pháp cấu tạo đặc biệt chi tiết nội ngoại thất

– Đề xuất phương án sản xuất trang trí nội ngoại thất.

3.4 Tính toán các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật công trình:

– Suất đầu tư.

– Tỷ lệ diện tích cây xanh + mặt nước.

– Hiệu quả sử dụng không gian kiến trúc

8. Quy định của học phần

- Dự lớp: đầy đủ các buổi học

- Nghiên cứu thực địa, tìm tài liệu liên quan

- Đọc tài liệu: tài liệu học tập chính và tài liệu tham khảo

- Dự thi kết thúc học phần : nộp Khóa luận tốt nghiệp và bảo vệ

- Các bài làm nếu bị phát hiện là sao chép của nhau sẽ bị trừ 100% điểm quá trình, nếu ở mức độ nghiêm trọng (cho nhiều người chép – có 3 bài giống nhau trở lên) sẽ bị cấm bảo vệ tốt nghiệp trong 02 năm được tính từ năm cấm thi, không phân biệt người sử dụng bài chép và người cho chép bài.

9. Phiên bản chỉnh sửa

10. Phụ trách học phần

- Khoa/Bộ môn: Xây Dựng / Bộ môn Kiến trúc.
- Địa chỉ và email liên hệ: Khoa Xây Dựng, email: kientruc@hcmute.edu.vn
- Điện thoại:

Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN